TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 15/2018/KDTM-ST
Ngày: 16-7-2018
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Hạnh
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Cát Tưởng
2. Bà Nguyễn Thị Minh Thảo

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 16-7-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2017/TLST-KDTM ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc " Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST- KDTM ngày 13 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V.
Địa chỉ: Số 89 đường L, phường L1, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị H- Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (theo văn bản ủy quyền số 1185/2017/UQ-VPB ngày 02/8/2017). Có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH dược phẩm Phúc L (nay là công ty TNHH dược phẩm Thiện H). Địa chỉ: Số nhà 126 đường H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị L- Giám đốc (Nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 04/22 đường T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa). Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
- Anh Chu Đình D - SN 1977.
- Anh Chu Đức D2 - SN 1983.

Nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 04/22 đường T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V trình bày:

Ngày 26/9/2011, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (gọi tắt là Ngân hàng Thịnh V) và công ty TNHH dược phẩm Phúc L (nay là công ty TNHH dược phẩm Thiện H) do bà Vũ Thị L- giám đốc, ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số H110130. Theo hợp đồng: ngân hàng cho Công ty vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh dược phẩm. Thời hạn của hạn mức: 12 tháng, tính từ ngày 26/9/2011. Thời hạn vay cụ thể được quy định trong khế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn ghi nhận cụ thể trong khế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hợp đồng còn quy định về điều khoản trả nợ gốc, lãi, phương thức trả nợ và quy định quyền, nghĩa vụ của các bên. Hợp đồng được các bên thực hiện qua 03 khế ước nhận nợ:

- Khế ước nhận nợ số 04 ngày 23/8/2012 với số tiền: 200.000.000đ, thời hạn vay 04 tháng, từ ngày 23/8/2012 đến ngày 26/12/2012.

- Khế ước nhận nợ số 05 ngày 14/9/2012 với số tiền: 300.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng, từ ngày 14/9/2012 đến ngày 26/12/2012.

- Khế ước nhận nợ số 06 ngày 15/9/2012 với số tiền: 500.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng, từ ngày 15/9/2012 đến ngày 26/12/2012.

Nội dung của 03 khế ước nhận nợ kèm hợp đồng tín dụng quy định: Lãi suất cho vay (trong hạn): 15.0% /năm, được thay đổi theo phương thức điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/01 lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 6.5% /năm. Trả nợ gốc một lần khi kết thúc thời hạn vay nêu tại từng khế ước, trả nợ lãi: theo định ký 01 tháng/lần, vào ngày 25 (kỳ trả nợ). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/9/2012.

Để đảm bảo cho khoản nợ trên, các bên đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11235002/HĐTC ngày 23/9/2011. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất (128,7m^2) tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 01 và tài sản gắn liền với đất tại Số nhà 04/22 đường T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở 2701070884 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/10/2000 mang tên ông Chu Đình H và bà Lê Thị Bích V.

Căn cứ vào hợp đồng trên, ngân hàng đã cho công ty TNHH dược phẩm Phúc L (nay là công ty TNHH dược phẩm Thiện H) vay số tiền 1.000.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty đã trả cho ngân hàng số tiền 145.377.205đ (trong đó, gốc: 97.329.584đ, lãi: 48.047.621đ). Số tiền nợ còn lại đã quá thời hạn thanh toán từ ngày 26/01/2013, ngân hàng đã nhiều lần thông báo thu hồi nợ nhưng công ty vẫn không thực hiện việc trả nợ. Vì vậy, ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết, buộc công ty TNHH dược phẩm Phúc L (nay là công ty TNHH dược phẩm Thiện H) phải trả số tiền đến ngày xét xử (16/7/2018) gồm: nợ gốc: 902.670.416đ, nợ lãi: 1.061.206.863đ (trong đó: lãi trong hạn: 13.971.399đ, lãi quá hạn: 1.047.235.463đ). Tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 1.963.877.279đ. Đề nghị xử lý tài sản đảm bảo để đảm bảo thu hồi nợ.

* Đối với bị đơn - Công ty TNHH dược phẩm Phúc L (nay là công ty TNHH dược phẩm Thiện H), người đại diện theo pháp luật: bà Vũ Thị L- Giám đốc công ty và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Chu Đình D, anh Chu Đức D2), Ngân hàng đã tiến hành các thủ tục thông báo tìm kiếm vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định. Trên cơ sở đó, Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng các đương sự hoàn toàn không có mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu về việc công ty TNHH dược phẩm Phúc L (nay là công ty TNHH dược phẩm Thiện H) trả số tiền lãi phạt chậm trả 470.228.415đ. Các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành của nguyên đơn (Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V), kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn- Công ty TNHH dược phẩm Phúc L (nay là công ty TNHH dược phẩm Thiện H), và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Chu Đình D, anh Chu Đức D2) đã được Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[*Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự].

[*Về thời hiệu khởi kiện*: Hợp đồng tín dụng các bên ký ngày 26/9/2011, ngày 03/01/2016 giữa Ngân hàng và công ty đã có biên bản làm việc xác nhận công nợ. Ngày 05/9/2017 Ngân hàng có đơn khởi kiện, thời hiệu khởi kiện được đảm bảo theo quy định tại Điều 159 của Bộ luật tố tụng dân sự số 24/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 65/2011/QH12 (Điều 2 Nghị quyết số 103/2015/QH 13 ngày 25/11/2015)].

[*Về tư cách tố tụng:* Ngày 30/5/2011, ông Chu Đình H chết không để lại di chúc. Sau khi có văn bản thỏa thuận của các thành viên trong gia đình, ngày 23/9/2011 Ngân hàng Thịnh V và bà Lê Thị Bích V ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11235002/HĐTC. Năm 2015, bà V chết. Ngày 05/9/2017 Ngân hàng có đơn khởi kiện, 02 người con của bà V là anh Chu Đình D và anh Chu Đức D2 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà V, tham gia trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật].

[*Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST- KDTM ngày 13/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2018/QĐST-KDTM ngày 29/6/2018 cho bị đơn (công ty TNHH dược phẩm Phúc L- nay là công ty TNHH dược phẩm Thiện H) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Chu Đình D, anh Chu Đức D2). Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều vắng mặt, Tòa án căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút phần yêu cầu đối với số tiền lãi phạt chậm trả 470.228.415đ. Việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự].

[* *Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi:* Hợp đồng tín dụng hạn mức số H110130 ngày 26/9/2011 và các khế ước nhận nợ số 04 ngày 23/8/2012, số 05 ngày 14/9/2012, số 06 ngày 15/9/2012 được các bên ký kết theo quy định của pháp luật, nội dung các điều khoản cam kết phù hợp, được pháp luật cho phép. Ngân hàng đã cho công ty TNHH dược phẩm Phúc L (nay là công ty TNHH dược phẩm Thiện H) vay số tiền 1.000.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty mới trả cho ngân hàng số tiền 145.737.205đ (trong đó, gốc: 97.329.584đ, lãi: 48.407.621đ). Số tiền nợ còn lại đã quá thời hạn thanh toán từ ngày 26/01/2013, ngân hàng đã nhiều lần thông báo thu hồi

nợ nhưng bên vay vẫn không thực hiện việc trả nợ đã vi phạm khoản 1 Điều 5 của hợp đồng tín dụng hạn mức số H110130 ngày 26/9/2011 và khoản 6 Điều 1 của các khế ước nhận nợ số 04 ngày 23/8/2012, số 05 ngày 14/9/2012, số 06 ngày 15/9/2012. Nay, ngân hàng Thịnh Vượng yêu cầu công ty TNHH dược phẩm Phúc L (nay là công ty TNHH dược phẩm Thiện H) phải trả số tiền vay còn nợ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số H110130 ngày 26/9/2011 tính đến ngày xét xử (16/7/2018) gồm: nợ gốc: 902.670.416đ, nợ lãi: 1.061.206.863đ (trong đó: lãi trong hạn: 13.971.399đ, lãi quá hạn: 1.047.235.463đ). Tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 1.963.877.279đ. Xét thấy, đây là yêu cầu thực tế, phù hợp với thỏa thuận đã ký kết giữa các bên, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận buộc công ty TNHH dược phẩm Phúc L (nay là công ty TNHH dược phẩm Thiện H) thanh toán cho ngân hàng toàn bộ khoản tiền trên].

[Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11235002/HĐTC ngày 23/9/2011. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất (128,7m^2) tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 01 và tài sản gắn liền với đất tại Số nhà 04/22 đường T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở 2701070884 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/10/2000 mang tên ông Chu Đình H và bà Lê Thị Bích V. Đây là tài sản chung của vợ chồng ông Chu Đình H và bà Lê Thị Bích V. Ông H, bà V sinh được 02 người con là anh Chu Đình D và anh Chu Đức D2. Ngày 30/5/2011, ông H chết không để lại di chúc. Ngày 23/9/2011, bà Lê Thị Bích V và 02 người con (anh Chu Đình D và anh Chu Đức D2) có văn bản thỏa thuận với nội dung: " Ông H chết không để lại di chúc. Di sản ông H để lại là một phần quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở trên đất tại số nhà 04/22 Hoàng Văn Thụ, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa…. Thống nhất để bà Lê Thị Bích Vân đại diện làm thủ tục thế chấp toàn bộ tài sản nhà đất tại tại số nhà 04/22 đường T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ của bên vay là công ty TNHH dược phẩm Phúc L. Nếu bên vay vốn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng, chúng tôi chấp thuận để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ theo quy định của pháp luật". Văn bản thỏa thuận ngày 23/9/2011 có đầy đủ chữ ký của các thành viên trong gia đình và được công chứng theo quy định. Trên cơ sở đó, ngày 23/9/2011 Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V-chi nhánh Thanh Hóa và bà Lê Thị Bích V ký kết Hợp đồng thế chấp QSD đất số 11235002/HĐTC ngày 23/9/2011, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất (128,7m^2) tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 01 và tài sản gắn liền với đất tại số nhà 04/22 đường T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở 2701070884 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/10/2000

mang tên ông Chu Đình H và bà Lê Thị Bích V.Việc thế chấp tài sản đã được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Thanh Hóa. Theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương: tài sản thế chấp thuộc sở hữu của ông Chu Đình H và bà Lê Thị Bích V, hiện ông H và bà V đều đã chết, tài sản vẫn giữ nguyên hiện trạng, không thay đổi. Theo quy định của pháp luật và theo khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11235002/HĐTC ngày 23/9/2011, tài sản trên thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ (bao gồm gốc, lãi, phí…). Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để bảo đảm việc thu hồi nợ của ngân hàng Thịnh V là có căn cứ chấp nhận].

[*Về án phí*: Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, công ty TNHH dược phẩm Phúc L (nay là công ty TNHH dược phẩm Thiện H) chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp].

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227**,** Điều 147**,** khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 468, Điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14.

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V về số tiền lãi phạt chậm trả: 470.228.415đ.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V.

Buộc công ty TNHH dược phẩm Phúc L (nay là công ty TNHH dược phẩm Thiện H) trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V khoản tiền vay còn nợ tính đến đến ngày xét xử (16/7/2018) gồm: nợ gốc: 902.670.416đ, nợ lãi: 1.061.206.863đ (trong đó: lãi trong hạn: 13.971.399đ, lãi quá hạn: 1.047.235.463đ). Tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 1.963.877.279đ. (**Một tỷ chín trăm sáu ba triệu tám trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm bảy chín đồng**). Công ty TNHH dược phẩm Phúc L (nay là công ty TNHH dược phẩm Thiện H) tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân

hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu công ty TNHH dược phẩm Phúc L (nay là công ty TNHH dược phẩm Thiện H) không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nợ trên thì TMCP Việt Nam Thịnh V có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để đảm bảo thu hồi nợ là quyền sử dụng đất (128,7m^2) tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 01 tại số nhà số nhà 04/22 đường T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở 2701070884 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/10/2000 mang tên ông Chu Đình H và bà Lê Thị Bích V, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11235002/HĐTC ngày 23/9/2011.

Về án phí: Công ty TNHH dược phẩm Phúc L (nay là công ty TNHH dược phẩm Thiện H) phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 70.916.000đ (làm tròn số) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 38.700.000đ theo biên lai thu số 0004484 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thanh Hóa.

Các bên đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc từ ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP.Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hồ Thị Minh Hạnh